

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2019

PHỤ LỤC 2

Sửa đổi một số nội dung Huyện Long Thành tại Phụ lục 2
đính kèm theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
(kèm theo Nghị quyết số /2019/NQ-HĐND ngày /12/2019 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy hoạch đến năm 2030																
				Dài (km)	C.rộng (m)		Cấp	Lộ giới	Đến 2020		2021 – 2025			2026 – 2030						
					Mặt	Nền			Khối lượng (km)		K.phí		Khối lượng (km)		K.phí		Khối lượng (km)		K.phí	
									Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng
A	Hệ thống đường huyện hiện hữu																			
1	Đ. Long Đức - Lộc An	QL.51	ĐT 769 (ngay UBND xã Lộc An)	5,2	Chuyển thành đường đô thị			32	Lập hồ sơ chuẩn bị đầu tư			Đầu tư			Duy tu bảo dưỡng					
2	Đ. Phước Bình	QL.51	Ranh xã Cù Bị (Bà Rịa - Vũng Tàu)	14,7	Chuyển thành đường đô thị			32	Công ty Tuấn Lộc thực hiện 11,7km			Tiếp tục đầu tư			Duy tu bảo dưỡng					
3	Đ. Ấp 1 - Ấp 3	Đ. Phước Bình	Ranh xã Mỹ Xuân (Bà Rịa - Vũng Tàu)	2,0	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV					
4	Đ. Tân Hiệp	QL.51	Xã Tân Hiệp	9,5																
	Đoạn 1	QL.51	Cầu Số 2		Chuyển thành			32	Duy tu bảo dưỡng			Đầu tư			Duy tu bảo dưỡng					

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy hoạch đến năm 2030													
				Dài (km)	C.rộng (m)		Cấp	Lộ giới	Đến 2020			2021 – 2025			2026 – 2030		
					Mặt	Nền			Khối lượng (km)		K.phí	Khối lượng (km)		K.phí	Khối lượng (km)		K.phí
									Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng
					đường đô thị												
	Đoạn 2	Cầu Số 2	Xã Tân Hiệp		7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV		
5	Đ. Cây Cây- Suối Le	Ngã ba Cây Cây	Ranh Bà Rịa – Vũng Tàu	5,5	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV		
6	Đ. Bàu Cạn	QL.51	Ranh Bà Rịa – Vũng Tàu	16,3	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV					
	Đoạn 1	QL.51	Ngã ba cây cây	11,1	Chuyển thành đường đô thị			32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Đầu tư		
	Đoạn 2	Ngã ba cây cây	Ranh BR-VT	5,2	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV					
7	Đ. Phước Bình – Bàu Cạn - C. Đường	Ranh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đ. Suối Quýt	19,1	Chuyển thành đường đô thị			45									
8	Đ. Hương Lộ 12	QL.51	Đ Long Phước – Phước Thái	2,4	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV			Duy tu bảo dưỡng		
10	Đ. Bung Môn	QL.51	ĐT.769	7,0													
	Đoạn 1	Đoạn hiện hữu		2,5	Chuyển thành đường đô thị			32	Lập hồ sơ			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III đô thị			Duy tu bảo dưỡng		
	Đoạn 2	Đoạn nâng cấp, mở mới			7,0	9,0	IV	32							Nâng cấp, mở mới đạt tiêu chuẩn đường cấp IV		

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy hoạch đến năm 2030														
				Dài (km)	C.rộng (m)		Cấp	Lộ giới	Đến 2020		2021 – 2025			2026 – 2030				
									Khối lượng (km)		K.phí		Khối lượng (km)		K.phí		Khối lượng (km)	
					Mặt	Nền			Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	
11	Đ. Cầu Xéo – Lộc An (Đỉnh Bộ Lĩnh)	Đ. Lê Duẩn	ĐT.769	2,1	Chuyển thành đường đô thị			32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III đô thị			
12	Đ. HL.21	QL.51	Ranh TP. Biên Hòa	7,9														
	Đoạn 1	QL 51	Ranh KCN Long Thanh	2,1	Chuyển thành đường đô thị			32	Lập hồ sơ			Đầu tư nâng cấp			Duy tu bảo dưỡng			
	Đoạn 2	Ranh KCN Long Thanh	Ranh TP BH	7,0	9,0	IV	32	32	Lập hồ sơ			Đầu tư nâng cấp			Duy tu bảo dưỡng			
13	Đ. An Định	Đ. Hương Lộ 21	ĐT. Hương Lộ 2 nối dài	4,8	7,0	9,0	IV	32										
	Đoạn 1	Đ. Hương Lộ 21	Khu sản xuất nông nghiệp		7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp, mở mới đạt tiêu chuẩn đường cấp IV			
	Đoạn 2 (mở mới)	Khu sản xuất nông nghiệp	ĐT. Hương Lộ 2 nối dài		7,0	9,0	IV	32	Do công ty AMATA đầu tư									
14	Đ. An Phước – Tam An (Đ. Nguyễn Hải)	Đ. Lê Duẩn	Đ. Hương Lộ 21	2,1	10,5	22,5	III	22,5	Cải tạo theo đường hiện hữu			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp theo quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp III đô thị			
15	Đ. Ấp 7 - Ấp 8	QL.51	ĐT. Chát Thải Rắn	3,1	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV			
16	Đ. Lò Gạch – Cầu Nước Trong	QL.51	Đ. Sa Cá	11,4														
	Đoạn 1	QL.51	KCN Long Đức	3,9	Chuyển thành đường đô thị			45	Lập hồ sơ			Đầu tư nâng cấp			Duy tu bảo dưỡng			

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy hoạch đến năm 2030													
				Dài (km)	C.rộng (m)		Cấp	Lộ giới	Đến 2020			2021 – 2025			2026 – 2030		
									Khối lượng (km)		K.phí	Khối lượng (km)		K.phí	Khối lượng (km)		K.phí
					Mặt	Nền			Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng
	Đoạn 2	KCN Long Đức	Đ. Sa Cá	7,5	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV		
18	Đ. Đội 3 Nông Trường Long Thành	Long Đức – Lộc An	Đ. Bờ Đê Long Đức	6,5	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV		
19	Đ. Sa Cá	ĐT.769	Khu sản xuất nông nghiệp	2,8	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV		
20	Đ. Cầu Mên	ĐT.769	Ranh xã Sông Nhạn (Cầm Mỹ)	3,9	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng		
22	Đ. Suối Quýt	ĐT. Long Thành – Cầm Mỹ - Xuân Lộc	Hồ Cầu Mới	2,5	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV		
24	Đ. Ấp 8 Bình Sơn	ĐT.769 (UB xã Bình Sơn)	ĐT.769 (Khu TĐC)	3,6	7,0	9,0	IV	32	Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng			Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV		
25	Đ. Long Đức – Long An	Đ.Long Đức – Lộc An	Đ. Võ Thị Sáu	2,2	7,0	9,0	IV	32	Cải tạo theo đường hiện hữu			Duy tu bảo dưỡng			Duy tu bảo dưỡng		
26	Đ. Khu 12 Long Đức (Vũ Hồng Phô)	Đ. Lê Duẩn	ĐT.769	3,1	Chuyển thành đường đô thị			32	Lập hồ sơ			Nâng cấp, mở mới đạt tiêu chuẩn đường cấp III đô thị			Duy tu bảo dưỡng		
B	Hệ thống đường huyện dự kiến			443,2					1,6	117,0	629,1	2,0	143,3	1.265,6	93,1	156,6	1.540,5
1	Đ. Long Phước – Phước Thái	Đ. Nguyễn Văn Ký (Ranh Nhon Trạch)	QL.51 – Đ. Tân Hiệp	8,1	Chuyển thành đường đô thị			32			0,0	Mở mới đạt tiêu chuẩn đường cấp IV			Duy tu bảo dưỡng		

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy hoạch đến năm 2030													
				Dài (km)	C.rộng (m)		Cấp	Lộ giới	Đến 2020		2021 – 2025			2026 – 2030			
					Mặt	Nền			Khối lượng (km)		K.phí	Khối lượng (km)		K.phí	Khối lượng (km)		K.phí
									Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng	Nâng cấp	Làm mới	tỷ đồng
2	Đ. Phước Bình – Bàu Cạn	Đ. Phước Bình	Đ. Phước Bình – Bàu Cạn – Cẩm Đường	9,9	Chuyển thành đường đô thị			45	Lập hồ sơ		Đầu tư			Duy tu bảo dưỡng			